

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-7-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Nhân

Ông Vũ Văn Thi

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXX- ST ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 01 năm 2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sinh sống tại nhà của bố mẹ anh tại Thôn V, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống dẫn tới cuộc sống không có hạnh phúc. Bản thân anh đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng hai bên không cải thiện được mà vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả nên hai bên sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc, sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị T.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị T có 03 con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 08/7/2003, Nguyễn Dương N, sinh ngày 14/7/2012, Nguyễn Khánh L, sinh ngày 16/3/2016. Ly hôn, nếu con chung có nguyện vọng ở với chị T, anh đồng ý đề nghị Tòa án giao các con chung cho chị T nuôi dưỡng sau ly hôn. Anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 2.000.000đồng/1 cháu/1 tháng.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H không đề nghị Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T xác định lời trình bày của anh H về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng là đầy đủ, chính xác. Trong thời gian chung sống nhiều lần anh H đánh đập chị, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị và anh H đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung, họ tên ngày tháng năm sinh của con chung, anh H trình bày là chính xác. Chị có nguyện vọng được nuôi hai con chung sau ly hôn là Nguyễn Dương N, sinh ngày 14/7/2012, Nguyễn Khánh L, sinh ngày 16/3/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị đề nghị anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị 2.000.000đồng/1con chung/1tháng. Đối với con chung Nguyễn Hà M, sinh năm 2003 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Phạm Thị T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Dương N, sinh

ngày 14/7/2012, Nguyễn Khánh L, sinh ngày 16/3/2016 cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 2.000.000đồng/1 con chung/1 tháng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Nguyễn Hà My đã trưởng thành không giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Anh Nguyễn Văn H khởi kiện xin ly hôn chị Phạm Thị T có địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm, bất hòa, sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, không tôn trọng và tin tưởng nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn của anh H và chị T đã được gia đình, chính quyền can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa hai bên không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng hai bên không khắc phục đoàn tụ được và đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên ly hôn. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Phạm Thị T.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị T có ba con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 08/7/2003, Nguyễn Dương N, sinh ngày 14/7/2012, Nguyễn Khánh L, sinh ngày 16/3/2016. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ, tài liệu xác minh hiện tại anh H và chị T đều có việc làm, thu nhập đủ điều kiện nuôi con, do vậy về điều kiện nuôi dưỡng

con chung của hai bên là ngang nhau. Căn cứ vào nguyện vọng con chung Nguyễn Dương N, Nguyễn Khánh L đều có nguyện vọng ở với chị T sau khi chị T và anh H ly hôn, quan điểm của anh H, chị T để đảm bảo quyền lợi cho các con chung, giữ sự ổn định trong việc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Nguyễn Dương N, sinh ngày 14/7/2012, Nguyễn Khánh L, sinh ngày 16/3/2016 cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 2.000.000đồng/1 con chung/1 tháng, tổng cộng 4.000.000đồng/2 con chung/ 1 tháng. Con chung Nguyễn Hà M đã trưởng thành Hội đồng xét xử không giải quyết. Thời hạn nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị T đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử tạm thời không giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[7] Về quyền kháng cáo Bản án của các đương sự: Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Phạm Thị T.
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Dương N, sinh ngày 14/7/2012 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 16/3/2016 cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng sau ly hôn. Con chung Nguyễn Hà M đã trưởng thành Hội đồng xét xử không giải quyết.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 2.000.000đồng/1 con chung/1 tháng, số tiền anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 4.000.000đồng/2 con chung/1 tháng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử tạm thời không giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm anh H đã nộp (biên lai thu tiền số 0013106 ngày 07 tháng 4 năm 2021) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Anh H phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng.

Trong trường hợp Bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo Bản án: Chị Nguyễn Thị T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Đ (ĐKKH số 11 ngày 24/01/2003);
- Dương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Thị Thường

Vũ Văn Thi

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Nam Hồng (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND TT An Dương, An Dương, HP
(nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

Trương Minh Huế

